

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Lý Vương	Thảo	KQH012587	4	37.00	1.5	39.00
2	Dương Thị Bảo	Châu	SPH002228	4	36.00	0.5	36.67
3	Nguyễn An	Giang	SPH004532	3	36.00		36.00
4	Bùi Hà	Phượng	TLA010880	3	35.75		35.75
5	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	4	35.50		35.50
6	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	4	34.75	0.5	35.42
7	Bùi Thị Thùy	Dung	SPH002977	4	34.75	0.5	35.42
8	Nguyễn Văn	Chính	HVN001255	4	34.75	0.5	35.42
9	Lê	Na	TDV019798	4	34.75	0.5	35.42
10	Phạm Thị Việt	Nhân	HHA010414	4	35.00		35.00
11	Phan Hoài	Thu	TLA013199	4	34.25	0.5	34.92
12	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	4	34.25	0.5	34.92
13	Nguyễn Hữu	Bách	TDV002014	4	34.25	0.5	34.92
14	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	4	34.75		34.75
15	Lê Tú	Quỳnh	SPH014494	4	32.75	1.5	34.75
16	Trần Hoàng	Anh	SPH001483	4	34.75		34.75
17	Phạm Ngọc	Anh	THV000586	2	32.75	1.5	34.75
18	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	4	34.00	0.5	34.67
19	Vương Thị Ngọc	Mai	KQH008869	4	34.00	0.5	34.67
20	Doãn Nhật	Linh	TLA007637	4	34.50		34.50
21	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	4	32.50	1.5	34.50
22	Vũ Thị Ngọc	Mai	THV008481	4	32.50	1.5	34.50
23	Lại Thị Ngọc	Mai	SPH010980	3	34.50		34.50
24	Nguyễn Thị	Phượng	TLA011186	3	33.50	0.5	34.17
25	Đinh Thị Thu	Giang	HDT006217	2	29.50	3.5	34.17
26	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	4	34.00		34.00
27	Trần Thùy	Linh	TND014820	4	32.00	1.5	34.00
28	Nghiêm Thị Lan	Hương	HHA006797	1	32.00	1.5	34.00
29	Nguyễn Bích	Thủy	BKA012656	4	33.25	0.5	33.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Trần Khánh	Trình	TDV033555	4	33.00	0.5	33.67
31	Phạm Thị	Quỳnh	BKA011121	4	33.00	0.5	33.67
32	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	4	33.00	0.5	33.67
33	Trịnh Thị	Hương	KQH006815	4	33.00	0.5	33.67
34	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	2	33.00	0.5	33.67
35	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	4	33.50		33.50
36	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	4	32.75	0.5	33.42
37	Nguyễn Thị Huyền	Trang	TDV032551	4	32.75	0.5	33.42
38	Bùi Thanh	Sơn	HDT021540	4	32.75	0.5	33.42
39	Bùi Thế	Cảnh	DCN001073	2	32.75	0.5	33.42
40	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	YTB014050	4	32.00	1.0	33.33
41	Nguyễn Thị Xong	Ngân	THV009303	4	30.00	2.5	33.33
42	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	4	32.00	1.0	33.33
43	Lê Kiều	Minh	TLA009169	4	33.25		33.25
44	Phạm Thu	Hương	SPH008447	4	33.25		33.25
45	Đỗ Thị Linh	Chi	SPH002343	4	33.25		33.25
46	Trần Thị Mỹ	Linh	BKA007823	4	33.25		33.25
47	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	TQU001001	3	31.25	1.5	33.25
48	Lưu Thu	Trang	THV013776	3	31.25	1.5	33.25
49	Đoàn Thị Ngọc	Mai	TSN008875	3	31.25	1.5	33.25
50	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	3	31.25	1.5	33.25
51	Phan Hoàng	Nam	SPH012017	2	33.25		33.25
52	Nguyễn Mỹ	Linh	TLA007965	1	33.25		33.25
53	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	1	33.25		33.25
54	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	4	32.50	0.5	33.17
55	Trần Thị Ngọc	Ly	BKA008349	4	32.50	0.5	33.17
56	Trần Thị Linh	Diệp	TND003502	3	28.50	3.5	33.17
57	Đặng Khánh	Huyền	BKA005936	2	32.50	0.5	33.17
58	Chu Thuý	Dương	TND004462	3	31.75	1.0	33.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Trần Ngọc	Linh	BKA007800	4	33.00		33.00
60	Lê Tú	Anh	BKA000358	2	33.00		33.00
61	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	YTB018425	4	32.25	0.5	32.92
62	Vương Phương	Anh	KQH000789	4	32.25	0.5	32.92
63	Nguyễn Thúy	Quỳnh	SPH014554	4	32.25	0.5	32.92
64	Nguyễn Thị	Trang	KQH014653	4	32.25	0.5	32.92
65	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	3	32.25	0.5	32.92
66	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	TLA013067	3	32.25	0.5	32.92
67	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	4	31.50	1.0	32.83
68	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TDV028152	2	29.50	2.5	32.83
69	Phạm Hồng	Nhung	SPH013150	4	32.75		32.75
70	Vũ Thùy	Dung	SPH003127	3	32.75		32.75
71	Bùi Thanh	Hằng	SPH005516	3	32.75		32.75
72	Đỗ Thị	Hường	TND012119	4	32.00	0.5	32.67
73	Nguyễn Quang	Hưng	THV006048	4	28.00	3.5	32.67
74	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	4	32.00	0.5	32.67
75	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TDV022430	3	32.00	0.5	32.67
76	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	1	32.00	0.5	32.67
77	Trần Thị Hải	Anh	SPH001537	4	32.50		32.50
78	Nguyễn Phương	Anh	SPH000897	4	32.50		32.50
79	Dương Việt	Trình	KHA010663	4	32.50		32.50
80	Đồng Văn	Thiệu	HHA013352	4	32.50		32.50
81	Đào Trọng	Nghĩa	TND017678	4	30.50	1.5	32.50
82	Vũ Minh	Ngọc	BKA009633	3	32.50		32.50
83	Trần Huy	Quang	SPH014110	3	32.50		32.50
84	Vũ Thị Phương	Thảo	SPH015859	3	32.50		32.50
85	Nguyễn Bảo	Châu	TTB000517	3	30.50	1.5	32.50
86	Hoàng Ngọc	Phong	TND019519	4	27.75	3.5	32.42
87	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	4	31.75	0.5	32.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Hoàng Hạnh Minh	Châu	YTB002177	4	31.75	0.5	32.42
89	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	4	31.75	0.5	32.42
90	Nguyễn Thị Hương	Trà	TND025963	4	31.75	0.5	32.42
91	Nguyễn Thu	Hiền	TND007968	3	31.75	0.5	32.42
92	Đoàn Thị Hồng	Chinh	HHA001668	4	30.25	1.5	32.25
93	Lê Thị Ngọc	ánh	SPH001763	4	32.25		32.25
94	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TLA008029	4	32.25		32.25
95	Hoàng Thu	Hương	THV006154	4	30.25	1.5	32.25
96	Trần Hải	Nam	THV009056	4	30.25	1.5	32.25
97	Nguyễn Thu	Hằng	SPH005682	4	32.25		32.25
98	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	4	30.25	1.5	32.25
99	Trần Ngọc Lam	Giang	SPH004667	4	32.25		32.25
100	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	3	32.25		32.25
101	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	3	32.25		32.25
102	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	2	30.25	1.5	32.25
103	Vũ Khánh	Linh	SPH010244	1	32.25		32.25
104	Nguyễn Thị	Ngân	SPH012307	1	32.25		32.25
105	Bùi Thị Hải	Anh	TLA000128	4	31.50	0.5	32.17
106	Nguyễn Thị Hải	Yến	HVN012514	4	31.50	0.5	32.17
107	Hoàng Thị	Nhung	YTB016354	4	31.50	0.5	32.17
108	Nguyễn Thị Thu	Hà	TDV007892	4	31.50	0.5	32.17
109	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	4	31.50	0.5	32.17
110	Vũ Trường	Anh	TLA001373	4	31.50	0.5	32.17
111	Đoàn Trúc	Phương	HHA011074	4	31.50	0.5	32.17
112	Lê Đặng Việt	Mỹ	BKA008907	4	31.50	0.5	32.17
113	Nguyễn Thị Kim	Ngân	SPH012301	3	31.50	0.5	32.17
114	Bạch Thị	Nga	SPH012090	2	30.75	1.0	32.08
115	Trần Thùy	Linh	KHA005936	4	32.00		32.00
116	Nguyễn Thu	Trang	TLA014185	4	32.00		32.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	4	32.00		32.00
118	Bùi Thọ	Kiên	SPH008873	4	32.00		32.00
119	Nguyễn Quỳnh	Anh	SPH000949	3	32.00		32.00
120	Vũ Phương	Hà	LNH002604	2	30.00	1.5	32.00
121	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	TLA008062	2	30.00	1.5	32.00
122	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	4	31.25	0.5	31.92
123	Trần Thị Thu	Trang	BKA013643	4	31.25	0.5	31.92
124	Đào Thị Hồng	Nhung	THP010855	4	31.25	0.5	31.92
125	Nguyễn Thị Hà	Nhi	HVN007738	4	31.25	0.5	31.92
126	Ngô Thị Ngọc	Trâm	YTB023242	4	31.25	0.5	31.92
127	Vũ Thị Phương	Thảo	KHA009261	4	31.25	0.5	31.92
128	Lã Thị	Trang	TND026228	4	27.25	3.5	31.92
129	Nguyễn Hồng	Phượng	THV010629	4	31.25	0.5	31.92
130	Trịnh Thị Diệu	Linh	HDT014905	3	31.25	0.5	31.92
131	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	3	27.25	3.5	31.92
132	Nguyễn Như Thái	Linh	DCN006383	3	31.25	0.5	31.92
133	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	3	31.25	0.5	31.92
134	Nguyễn Thủy	Tiên	HVN010607	3	31.25	0.5	31.92
135	Phạm Thu	Phượng	BKA010497	2	31.25	0.5	31.92
136	Phạm Hồng	Nhung	HVN007875	4	30.50	1.0	31.83
137	Nguyễn Thị	Trang	HDT026950	4	30.50	1.0	31.83
138	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	4	30.50	1.0	31.83
139	Lương Việt	Trình	YTB023328	4	30.50	1.0	31.83
140	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	3	30.50	1.0	31.83
141	Thái Thị	Hạnh	TDV008689	2	30.50	1.0	31.83
142	Trần Thị Thu	Hoa	SPH006597	4	31.75		31.75
143	Nguyễn Thục	Anh	BKA000656	4	31.75		31.75
144	Nguyễn Trường	Nam	SPH011990	4	31.75		31.75
145	Phạm Phương	Anh	SPH001334	4	31.75		31.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	4	29.75	1.5	31.75
147	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009993	4	31.75		31.75
148	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	TLA000891	3	31.75		31.75
149	Bùi Thu	Trang	SPH017271	3	31.75		31.75
150	Hoàng Lệ	Quyên	SPH014338	3	31.75		31.75
151	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	3	31.75		31.75
152	Nguyễn Thành	Công	SPH002680	2	31.75		31.75
153	Lưu Thảo	Dương	TLA002961	1	29.75	1.5	31.75
154	Hoàng Hồng	Nga	TND017306	4	27.00	3.5	31.67
155	Phạm Lê Ngọc	Mai	THP009258	4	31.00	0.5	31.67
156	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	4	27.00	3.5	31.67
157	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	4	31.00	0.5	31.67
158	Lê Thị	Hương	TLA006701	4	31.00	0.5	31.67
159	Bùi Mai	Anh	BKA000082	3	31.00	0.5	31.67
160	Nguyễn Mạnh	Trí	THV014070	3	31.00	0.5	31.67
161	Sân Thành	Nam	THV009047	2	27.00	3.5	31.67
162	Trần Huệ	Trình	YTB023359	3	30.25	1.0	31.58
163	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	3	30.25	1.0	31.58
164	Phan Như	Quỳnh	SPH014564	3	30.25	1.0	31.58
165	Trần Vân	Anh	TLA001282	4	31.50		31.50
166	Ngô Minh	Quân	TLA011350	4	31.50		31.50
167	Nguyễn Thúy	Hằng	THV004109	4	29.50	1.5	31.50
168	Đình Hương	Giang	HDT006211	4	29.50	1.5	31.50
169	Hồ Thị	Hằng	TDV008975	4	29.50	1.5	31.50
170	Dương Thị Thùy	Linh	THV007274	4	29.50	1.5	31.50
171	Cao Thanh	Huyền	SPH007666	4	31.50		31.50
172	Vũ Minh	Anh	TLA001342	4	31.50		31.50
173	Lê Hương	Giang	TLA003824	4	31.50		31.50
174	Nguyễn Vân	San	THV011224	4	29.50	1.5	31.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Phạm Nguyễn Quang	Minh	SPH011497	4	31.50		31.50
176	Nguyễn Thanh	Nhàn	HDT018431	3	29.50	1.5	31.50
177	Hoàng	Lan	DCN005894	3	31.50		31.50
178	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	3	29.50	1.5	31.50
179	Nguyễn Xuân	Nguyên	NLS008224	3	29.50	1.5	31.50
180	Tăng Hoàng	Minh	BKA008740	2	31.50		31.50
181	Trịnh Huyền	My	SPH011729	2	31.50		31.50
182	Trần Thị	Quỳnh	YTB018449	4	30.75	0.5	31.42
183	Phan Thanh	Trà	DCN011602	4	30.75	0.5	31.42
184	Trần Vũ Thùy	Trang	THP015430	3	30.75	0.5	31.42
185	Nguyễn Ngọc	Phượng	HHA011152	2	30.75	0.5	31.42
186	Tăng Văn	Hiện	KQH004702	2	30.75	0.5	31.42
187	Phạm Thị Thùy	Linh	KHA005873	4	30.00	1.0	31.33
188	Nguyễn Phương	Thảo	SPH015691	2	30.00	1.0	31.33
189	Trịnh Thu	Phượng	HHA011291	4	31.25		31.25
190	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	4	31.25		31.25
191	Nguyễn Trần Thảo	My	BKA008874	4	31.25		31.25
192	Lê Trâm	Anh	SPH000560	4	31.25		31.25
193	Trần Hải	Nam	SPH012045	4	31.25		31.25
194	Vũ Thị Trà	My	HHA009423	3	31.25		31.25
195	Phi Quang	Khải	THV006494	3	29.25	1.5	31.25
196	Trần Khánh	Linh	SPH010153	2	31.25		31.25
197	Ngô Trang	Linh	SPH009686	2	31.25		31.25
198	Cần Thị Thu	Trang	DCN011626	4	30.50	0.5	31.17
199	Trần Hưng	Phúc	TDV023636	4	30.50	0.5	31.17
200	Tống Kiên	Định	TDV006338	3	30.50	0.5	31.17
201	Phạm Thúy	Hiền	HDT008614	3	30.50	0.5	31.17
202	Mai Thị	Lệ	DHU010633	3	30.50	0.5	31.17
203	Trịnh Thị Thu	Thuỷ	KQH013541	3	30.50	0.5	31.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Bùi Hải	Công	TLA002126	2	28.50	2.0	31.17
205	Nguyễn Thị Hồng	Vân	THP016599	1	30.50	0.5	31.17
206	Hoàng Thị Thanh	Ngọc	TDV021093	4	29.75	1.0	31.08
207	Nông Đức	Minh	SPH011485	4	29.75	1.0	31.08
208	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	4	29.75	1.0	31.08
209	Đỗ Tiến	Diễn	SPH002923	3	29.75	1.0	31.08
210	Trần Quốc	Lượng	KQH008562	3	29.75	1.0	31.08
211	Lê Thị	Thủy	TDV030364	4	29.00	1.5	31.00
212	Nguyễn Thanh	Loan	SPH010336	4	31.00		31.00
213	Trần Ngọc	Mai	SPH011063	4	29.00	1.5	31.00
214	Phạm Thị Linh	Phượng	TDV024119	4	29.00	1.5	31.00
215	Vũ Thị Chi	Mai	HDT016187	4	29.00	1.5	31.00
216	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	4	29.00	1.5	31.00
217	Phan Thị	Minh	HHA009267	4	31.00		31.00
218	Đỗ Huy	Khôi	SPH008831	4	31.00		31.00
219	Đặng Việt	Hà	HHA003669	4	31.00		31.00
220	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	4	29.00	1.5	31.00
221	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	4	29.00	1.5	31.00
222	Vũ Hải	Anh	SPH001634	3	31.00		31.00
223	Đỗ Hà	Linh	TLA007647	3	31.00		31.00
224	Phan Thị Nguyên	Anh	TTN000582	3	29.00	1.5	31.00
225	Nguyễn Hải	Dung	SPH003037	2	31.00		31.00
226	Phạm Thị Hải	Anh	THV000595	1	29.00	1.5	31.00
227	Phạm Mạnh	Hưng	TLA006606	1	31.00		31.00
228	Đỗ Thị Phương	Mai	THV008359	4	30.25	0.5	30.92
229	Vương Sỹ Thị	Giang	KQH003445	4	30.25	0.5	30.92
230	Đặng Thị	Lợi	TDV017873	4	30.25	0.5	30.92
231	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DHU021291	4	30.25	0.5	30.92
232	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	4	30.25	0.5	30.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	4	29.50	1.0	30.83
234	Ngô Phương Thanh	Thủy	THP014329	1	29.50	1.0	30.83
235	Hoàng Hồng	Hạnh	TQU001535	4	28.75	1.5	30.75
236	Trần Thị	Tú	TTB007037	4	28.75	1.5	30.75
237	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	4	28.75	1.5	30.75
238	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	4	28.75	1.5	30.75
239	Phùng Linh	Trang	THV013973	4	28.75	1.5	30.75
240	Dương Ngọc	Lan	TTN009134	4	28.75	1.5	30.75
241	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	4	28.75	1.5	30.75
242	Trần Thạch	Thảo	SPH015832	3	30.75		30.75
243	Nguyễn Diệu	Anh	TND000596	3	28.75	1.5	30.75
244	Đỗ Thị Mai	Hoa	HDT009149	3	28.75	1.5	30.75
245	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	3	30.75		30.75
246	Tạ Hoàng	Hà	TLA004182	3	30.75		30.75
247	Ngô Thu	Uyên	SPH019146	3	30.75		30.75
248	Lê Thùy	Dương	KHA002017	3	30.75		30.75
249	Nguyễn Kiều	Trinh	TLA014415	3	30.75		30.75
250	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	2	30.75		30.75
251	Lê Nguyễn Khánh	Linh	SPH009595	2	30.75		30.75
252	Nguyễn Đào Phương	Linh	TLA007906	2	30.75		30.75
253	Nguyễn Hà	Linh	TLA007912	1	30.75		30.75
254	Bùi Thị	Dung	HVN001590	4	30.00	0.5	30.67
255	Trần Minh	Diễm	BKA001980	4	30.00	0.5	30.67
256	Dương Mai	Ngọc	DHU014355	4	30.00	0.5	30.67
257	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	4	30.00	0.5	30.67
258	Nguyễn Thị Thu	Đông	TND005377	3	30.00	0.5	30.67
259	Trần Thị Ngọc	ánh	KQH000928	3	30.00	0.5	30.67
260	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	3	30.00	0.5	30.67
261	Vũ Thu	Trang	KQH014312	3	30.00	0.5	30.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011094	2	30.00	0.5	30.67
263	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	1	30.00	0.5	30.67
264	Đoàn Thị	Nhàn	THP010693	4	29.25	1.0	30.58
265	Bùi Thị Mai	Phượng	YTB017127	4	29.25	1.0	30.58
266	Điền Thị Thúy	Hằng	HDT007776	4	28.50	1.5	30.50
267	Nguyễn Việt	Khánh	SPH008763	4	30.50		30.50
268	Phạm Thu	Thảo	THV012327	4	28.50	1.5	30.50
269	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	4	30.50		30.50
270	Nguyễn Thảo	My	THV008838	4	28.50	1.5	30.50
271	Phạm Thị	Lam	TTB003296	4	28.50	1.5	30.50
272	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	4	28.50	1.5	30.50
273	Nguyễn Thị Hà	An	THP000039	4	30.50		30.50
274	Vũ Nguyễn Hải	Đường	BKA003385	4	30.50		30.50
275	Vũ Phương	Thảo	SPH015853	4	30.50		30.50
276	Đặng Thị Vân	Anh	THV000152	3	28.50	1.5	30.50
277	Lê Diệp	Anh	TLA000385	3	30.50		30.50
278	Nguyễn Việt	Bách	SPH001919	3	30.50		30.50
279	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	3	30.50		30.50
280	Nguyễn Thị Minh	Hương	TTB002990	3	28.50	1.5	30.50
281	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	3	30.50		30.50
282	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	2	30.50		30.50
283	Lê Thị Thu	Trang	HHA014537	2	30.50		30.50
284	Nguyễn Thu	Thảo	SPH015767	2	30.50		30.50
285	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	2	28.50	1.5	30.50
286	Vũ Hồ Diệu	Linh	TLA008344	1	30.50		30.50
287	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	4	25.75	3.5	30.42
288	Phạm Thị Hồng	Ngọc	HDT018109	4	29.75	0.5	30.42
289	Vũ Thanh	Hương	HHA006977	4	29.75	0.5	30.42
290	Phan Cẩm	Tú	TTB007032	4	25.75	3.5	30.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Bùi Tú	Anh	DCN000078	4	29.75	0.5	30.42
292	Vũ Đức	Minh	HVN006893	3	29.75	0.5	30.42
293	Nguyễn Hoàng Minh	Thảo	HHA012895	2	29.75	0.5	30.42
294	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	2	29.75	0.5	30.42
295	Trần Thu	Hiền	HVN003511	1	29.75	0.5	30.42
296	Bạch Thị Sao	Mai	KQH008697	1	25.75	3.5	30.42
297	Phạm Thị Hoàng	Phượng	YTB017412	4	29.00	1.0	30.33
298	Phạm Thị	Hoa	YTB008292	3	29.00	1.0	30.33
299	Nguyễn Thị	Quỳnh	HHA011806	2	29.00	1.0	30.33
300	Ngô Thị Thùy	Linh	HHA007982	4	30.25		30.25
301	Cao Hà	Linh	TTN009637	4	28.25	1.5	30.25
302	Đinh Ngọc	ánh	HDT001748	4	28.25	1.5	30.25
303	Đào Ngọc	Anh	SPH000261	4	30.25		30.25
304	Lê Thị Mỹ	Hà	TND006248	4	28.25	1.5	30.25
305	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	SPH012598	4	30.25		30.25
306	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	4	28.25	1.5	30.25
307	Vũ Hoàng	Minh	SPH011569	3	30.25		30.25
308	Phượng Hoàng Tú	Lam	TLA007315	3	30.25		30.25
309	Nguyễn Mai	Hương	SPH008315	3	30.25		30.25
310	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	3	30.25		30.25
311	Trần Ngọc	Minh	HHA009313	3	30.25		30.25
312	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	3	30.25		30.25
313	Hoàng Thị Kim	Anh	HDT000432	2	28.25	1.5	30.25
314	Nguyễn Quang	Quyền	SPH014377	2	30.25		30.25
315	Bùi Hải	Yến	LNH010934	4	25.50	3.5	30.17
316	Trần Lê	Minh	HDT016703	4	29.50	0.5	30.17
317	Triệu Thùy	Linh	TND014767	4	25.50	3.5	30.17
318	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	4	29.50	0.5	30.17
319	Vũ ánh	Nguyệt	TDV021765	4	29.50	0.5	30.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Đỗ Nguyễn Khánh	Linh	YTB012401	2	29.50	0.5	30.17
321	Phạm Thị Thục	Anh	HHA000838	2	29.50	0.5	30.17
322	Vi Ngọc	Diệp	TND003504	2	25.50	3.5	30.17
323	Đàm Minh	Hằng	DCN003372	2	29.50	0.5	30.17
324	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	LNH006690	2	29.50	0.5	30.17
325	Phạm Thị Hải	Yến	TDV037071	1	29.50	0.5	30.17
326	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	1	25.50	3.5	30.17
327	Nguyễn Thị Hương	Giang	KQH003390	4	28.75	1.0	30.08
328	Đặng Thị	Nhận	TND018553	4	28.75	1.0	30.08
329	Phạm Thị Thúy	Ngân	HDT017684	4	28.75	1.0	30.08
330	Bùi Thị Hồng	Nhung	THV009833	4	28.75	1.0	30.08
331	Lê Minh	Hằng	YTB006958	4	28.75	1.0	30.08
332	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DCN006443	4	28.75	1.0	30.08
333	Phạm Thị Thảo	Ngọc	KHA007304	3	28.75	1.0	30.08
334	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	3	28.75	1.0	30.08
335	Ngô Thị Phương	Ngân	BKA009268	2	28.75	1.0	30.08
336	Đỗ Thị	Thảo	HDT023065	1	28.75	1.0	30.08
337	Trương Thị	Vi	TDV035985	1	28.75	1.0	30.08
338	Trịnh Khánh	Linh	THV007807	4	28.00	1.5	30.00
339	Lê Đức	Anh	HDT000506	4	28.00	1.5	30.00
340	Nguyễn Hồng	Anh	SPH000758	4	30.00		30.00
341	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	4	28.00	1.5	30.00
342	Nguyễn Thu	Yến	TLA015935	4	30.00		30.00
343	Cao Thị Phương	Loan	SPH010280	3	30.00		30.00
344	Lê Hồng	Anh	HDT000525	3	28.00	1.5	30.00
345	Nguyễn Trà	My	TLA009455	3	30.00		30.00
346	Lê Thị Thùy	Dung	TDV004496	3	28.00	1.5	30.00
347	Ngô Minh	Sơn	SPH014780	3	30.00		30.00
348	Võ Hiền	Anh	KHA000732	3	30.00		30.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Nguyễn Thị Sao	Mai	DHU012758	3	28.00	1.5	30.00
350	Lê Võ Thủy	Tiên	TLA013596	2	30.00		30.00
351	Vũ Phương	Linh	TLA008359	2	30.00		30.00
352	Phan Thị Ly	Na	TDV019838	2	28.00	1.5	30.00
353	Thái Trà	My	HHA009413	1	30.00		30.00
354	Đặng Thu	Trang	KQH014403	4	29.25	0.5	29.92
355	Phan Thùy	Dung	DCN001755	4	29.25	0.5	29.92
356	Lê Thị Thúy	Hằng	DCN003409	4	29.25	0.5	29.92
357	Tô Thị Hương	Ly	TQU003485	4	25.25	3.5	29.92
358	Vũ Thị Minh	Anh	THP000955	4	29.25	0.5	29.92
359	Ngô Huy Quang	Minh	DCN007382	3	29.25	0.5	29.92
360	Văn Thị	Ngọc	KQH009999	3	29.25	0.5	29.92
361	Phùng Thị Minh	Phượng	SPH013966	3	29.25	0.5	29.92
362	Phan Bảo	Ngọc	HHA010187	3	29.25	0.5	29.92
363	Nguyễn Thị Huyền	Anh	TDV000924	2	29.25	0.5	29.92
364	Trần Thị Cẩm	Tú	THP015924	2	29.25	0.5	29.92
365	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	2	29.25	0.5	29.92
366	Phan Thị Bích	Hạnh	TDV008655	1	29.25	0.5	29.92
367	Lê Thị Thúy	Hòa	BKA005047	4	28.50	1.0	29.83
368	Phan Thị Thu	Hoài	TDV011421	4	28.50	1.0	29.83
369	Trần Thị Hải	Yến	DCN013484	4	28.50	1.0	29.83
370	Phạm Thị	Thương	HDT025575	4	28.50	1.0	29.83
371	Nguyễn Tuấn	Anh	HDT001273	4	28.50	1.0	29.83
372	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	3	28.50	1.0	29.83
373	Hoàng Thị	Nguyệt	HDT018283	3	28.50	1.0	29.83
374	Vũ Thị Thanh	Thắng	KQH013005	2	28.50	1.0	29.83
375	Nguyễn Bảo	Ngọc	DHU014489	4	27.75	1.5	29.75
376	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	4	27.75	1.5	29.75
377	Ngô Thị Khánh	Quỳnh	TLA011601	4	29.75		29.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	4	29.75		29.75
379	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	4	27.75	1.5	29.75
380	Nguyễn Phương	Thanh	THV011883	4	27.75	1.5	29.75
381	Nguyễn Thanh	Long	SPH010489	4	29.75		29.75
382	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	HHA010177	3	29.75		29.75
383	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	3	29.75		29.75
384	Nguyễn Thùy	Linh	SPH009994	3	29.75		29.75
385	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	3	29.75		29.75
386	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	2	29.75		29.75
387	Đào Tường	Chi	SPH002348	1	29.75		29.75
388	Nguyễn Bảo	Ngọc	DCN008081	4	29.00	0.5	29.67
389	Trần Thị Hải	Yến	KQH016653	4	29.00	0.5	29.67
390	Trần Thị Hương	Thơm	THP014004	4	29.00	0.5	29.67
391	Dương Việt	Hà	TND006128	3	25.00	3.5	29.67
392	Hoàng Thùy	Linh	HDT013996	2	29.00	0.5	29.67
393	Đậu Phương	Thảo	TDV027962	2	29.00	0.5	29.67
394	Lương Bảo	Thái	TTB005622	2	25.00	3.5	29.67
395	Lê Thị Diệp	ánh	HVN000787	1	29.00	0.5	29.67
396	Chu Thị	Quỳnh	TDV025293	4	28.25	1.0	29.58
397	Đinh Hoàng	Lộc	TLA008601	4	28.25	1.0	29.58
398	Lê Quỳnh	Chi	TDV002898	2	28.25	1.0	29.58
399	Vũ Thị Bích	Ngọc	TND018181	4	27.50	1.5	29.50
400	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	4	29.50		29.50
401	Đào Mai	Trang	BKA013308	4	29.50		29.50
402	Nghiêm Thị	Thơ	SPH016236	4	29.50		29.50
403	Lê Khánh	Linh	HDT014051	4	27.50	1.5	29.50
404	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001107	4	29.50		29.50
405	Chu Tuệ	Anh	SPH000174	4	29.50		29.50
406	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	4	29.50		29.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Nguyễn Phương	Hà	SPH004882	3	29.50		29.50
408	Hà Thị Khánh	Linh	NLS006198	3	27.50	1.5	29.50
409	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	3	29.50		29.50
410	Nguyễn Thu	Thảo	TND023221	3	27.50	1.5	29.50
411	Trần Anh	Thư	SPH016857	3	29.50		29.50
412	Phạm Thị Thanh	Hương	TLA006819	3	29.50		29.50
413	Nguyễn Trà	My	HVN006955	1	29.50		29.50
414	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	1	27.50	1.5	29.50
415	Phạm Thị Ngọc	Huyền	HUI006171	4	28.75	0.5	29.42
416	Phạm Thị Phương	Lan	TLA007396	4	28.75	0.5	29.42
417	Lê Thị	Hoài	TDV011277	4	28.75	0.5	29.42
418	Chu Thị	Na	TQU003700	4	24.75	3.5	29.42
419	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	4	28.75	0.5	29.42
420	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	4	24.75	3.5	29.42
421	Lục Quốc	Huy	THV005589	3	24.75	3.5	29.42
422	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	3	28.75	0.5	29.42
423	Bùi Khánh	Linh	HHA007761	3	28.75	0.5	29.42
424	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	3	28.75	0.5	29.42
425	Vũ Thị	Xuân	THP017019	2	28.75	0.5	29.42
426	Nguyễn Mai	Anh	BKA000505	1	28.75	0.5	29.42
427	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	4	28.00	1.0	29.33
428	Mai Thị	Hằng	KQH004245	4	28.00	1.0	29.33
429	Đào Thị Bích	Phương	YTB017178	4	28.00	1.0	29.33
430	Lê Minh	Nguyệt	TDV021670	3	28.00	1.0	29.33
431	Trần Thị Huyền	Trang	KQH014760	3	28.00	1.0	29.33
432	Trần Thị	Trang	YTB023140	3	28.00	1.0	29.33
433	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	3	28.00	1.0	29.33
434	Bùi Thị Kim	Dung	YTB003465	2	28.00	1.0	29.33
435	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	HHA004387	1	28.00	1.0	29.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Trương ánh	Mai	TND016104	4	27.25	1.5	29.25
437	Trần Minh	Khải	SPH008622	4	29.25		29.25
438	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	4	29.25		29.25
439	Nguyễn Thảo	Phương	THV010523	4	27.25	1.5	29.25
440	Phạm Thị Nam	Phương	HHA011250	4	29.25		29.25
441	Lê Thái	Anh	THV000278	4	27.25	1.5	29.25
442	Hoàng Phương	Giang	HHA003471	3	29.25		29.25
443	Phạm Quốc	Anh	SPH001347	3	29.25		29.25
444	Hà Nhật	Thăng	TLA012742	3	29.25		29.25
445	Hoàng Hải	Ly	TND015644	3	27.25	1.5	29.25
446	Nguyễn Lan	Hương	SPH008306	2	29.25		29.25
447	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	2	27.25	1.5	29.25
448	Trần Minh	Anh	BKA000870	2	29.25		29.25
449	Đặng Thị	Nhung	HDT018683	1	27.25	1.5	29.25
450	Hứa Thị Thảo	Ly	TND015641	4	24.50	3.5	29.17
451	Bùi Thúy	Nương	LNH007085	4	24.50	3.5	29.17
452	Nguyễn ánh	Ngọc	HDT018011	4	28.50	0.5	29.17
453	Đoàn Thị Khánh	Hoà	KQH005130	4	28.50	0.5	29.17
454	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	4	28.50	0.5	29.17
455	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	3	24.50	3.5	29.17
456	Lê Thùy	Dương	HHA002652	3	28.50	0.5	29.17
457	Tô Thị Thanh	Thảo	TND023321	3	24.50	3.5	29.17
458	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011102	3	28.50	0.5	29.17
459	Nguyễn Anh	Hùng	THV005446	3	28.50	0.5	29.17
460	Trần Bùi Ngọc	Oanh	BKA010104	2	28.50	0.5	29.17
461	Nguyễn Thị	Mai	YTB014017	4	27.75	1.0	29.08
462	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	4	27.75	1.0	29.08
463	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	4	27.75	1.0	29.08
464	Nguyễn Thị Phương	Anh	HDT001163	4	27.75	1.0	29.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Đặng Thị	Hằng	YTB006931	3	27.75	1.0	29.08
466	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	3	25.75	2.5	29.08
467	Phạm Nhật	Lệ	KHA005438	3	27.75	1.0	29.08
468	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	3	27.75	1.0	29.08
469	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	3	27.75	1.0	29.08
470	Nguyễn Thị Tú	Uyên	HDT029358	4	27.00	1.5	29.00
471	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	THV010938	4	27.00	1.5	29.00
472	Đàm Nhật	Linh	KHA005549	4	29.00		29.00
473	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	4	27.00	1.5	29.00
474	Phạm Ngọc	Hà	HHA003858	4	29.00		29.00
475	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	4	27.00	1.5	29.00
476	Phạm Trà	Giang	HHA003562	4	29.00		29.00
477	Phạm Thị	Nga	HHA009767	4	29.00		29.00
478	Bùi Thu	Thủy	THV012997	3	27.00	1.5	29.00
479	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	3	27.00	1.5	29.00
480	Nguyễn Trần Phương	Thảo	DND021896	3	29.00		29.00
481	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	3	29.00		29.00
482	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TLA012577	2	29.00		29.00
483	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	2	29.00		29.00
484	Nguyễn Phương	Huyền	BKA006004	2	29.00		29.00
485	Nguyễn Bảo	Linh	KHA005504	2	29.00		29.00
486	Tạ Hoàng	An	TLA000073	2	29.00		29.00
487	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyễn	SPH012748	1	29.00		29.00
488	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	1	29.00		29.00
489	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	1	27.00	1.5	29.00
490	Bế Ngọc	ánh	TND001235	4	24.25	3.5	28.92
491	Dương Khánh	Linh	YTB012392	3	28.25	0.5	28.92
492	Nguyễn Thị Thu	Nga	KQH009562	3	28.25	0.5	28.92
493	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	HDT027320	3	28.25	0.5	28.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Nguyễn Minh	Khanh	BKA006686	3	28.25	0.5	28.92
495	Pờ Minh	Chuyên	THV001550	2	24.25	3.5	28.92
496	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	2	28.25	0.5	28.92
497	Nguyễn Thị Minh	Tú	HVN011581	4	27.50	1.0	28.83
498	Nguyễn Minh	Đức	SPH004315	4	27.50	1.0	28.83
499	Nguyễn Thị	Thủy	HVN010311	4	27.50	1.0	28.83
500	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	4	27.50	1.0	28.83
501	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	3	27.50	1.0	28.83
502	Phạm Thị Mỹ	Linh	KHA005871	3	27.50	1.0	28.83
503	Phạm Thị Trang	Thu	YTB020964	2	27.50	1.0	28.83
504	Ngô Thị Linh	Huyền	HHA006315	3	26.75	1.5	28.75
505	Tống Thị	Chinh	TND002555	3	26.75	1.5	28.75
506	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	2	28.75		28.75
507	Đỗ Thị	Vân	TND029031	2	26.75	1.5	28.75
508	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	2	26.75	1.5	28.75
509	Nguyễn Đức	Tú	TLA014755	2	28.75		28.75
510	Chu Sơn	Nguyên	HHA010273	1	28.75		28.75
511	Nguyễn Phương	Anh	TND000683	4	28.00	0.5	28.67
512	Tống Thị Hương	Giang	TND006011	4	28.00	0.5	28.67
513	Đỗ Tùng	Sơn	BKA011241	4	28.00	0.5	28.67
514	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	3	28.00	0.5	28.67
515	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	3	28.00	0.5	28.67
516	Trần Thị Huyền	Trâm	TDV033324	3	28.00	0.5	28.67
517	Kiều Thị Mai	Anh	KQH000222	2	28.00	0.5	28.67
518	Trịnh Hồng	Vân	HDT029662	1	28.00	0.5	28.67
519	Bùi Thị Ngọc	Anh	YTB000153	4	27.25	1.0	28.58
520	Nguyễn Phúc	Nam	SPH011943	4	27.25	1.0	28.58
521	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	SPH012752	3	27.25	1.0	28.58
522	Nguyễn Tiến	Đạt	YTB004791	2	27.25	1.0	28.58

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nguyễn Thị Thảo	Phương	TTB004914	4	26.50	1.5	28.50
524	Nguyễn Thị Anh	Thư	HHA013974	4	28.50		28.50
525	Lê Thị Phương	Linh	TTB003488	3	26.50	1.5	28.50
526	Nguyễn Linh	Chi	BKA001527	3	28.50		28.50
527	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	3	26.50	1.5	28.50
528	Trương Diệu	Linh	TLA008328	2	28.50		28.50
529	Nguyễn Phương	Anh	BKA000546	2	28.50		28.50
530	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005911	1	26.50	1.5	28.50
531	Lê Thị Hồng	Xoan	TDV036622	4	27.75	0.5	28.42
532	Ông Thị Diệu	Anh	KHA000570	4	25.75	2.0	28.42
533	Bùi Thị Hà	Trang	HHA014388	4	27.75	0.5	28.42
534	Đoàn Lan	Anh	KQH000174	4	27.75	0.5	28.42
535	Nguyễn Thanh	Quý	KQH011380	3	27.75	0.5	28.42
536	Mai Hồng	Minh	HDT016577	3	27.75	0.5	28.42
537	Đình Thị	Hài	THP004052	3	27.75	0.5	28.42
538	Nguyễn Thanh	Thư	HDT025355	2	27.75	0.5	28.42
539	Đào Thị Thanh	Nga	HHA009701	2	27.75	0.5	28.42
540	Ngô Thị Minh	Thúy	YTB021515	2	27.75	0.5	28.42
541	Doãn Thùy	Dương	YTB004258	1	27.75	0.5	28.42
542	Vũ Thị Minh	Hằng	YTB007203	4	27.00	1.0	28.33
543	Dương Thị	Hằng	SPH005525	4	27.00	1.0	28.33
544	Lã Thị Kim	Dung	KQH002036	4	27.00	1.0	28.33
545	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006071	3	27.00	1.0	28.33
546	Lê Thị	Giang	HDT006294	3	27.00	1.0	28.33
547	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	4	26.25	1.5	28.25
548	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	4	26.25	1.5	28.25
549	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	4	28.25		28.25
550	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	3	26.25	1.5	28.25
551	Trần Hoài	An	SPH000082	3	28.25		28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	3	26.25	1.5	28.25
553	Phùng Thị Ngọc	Trinh	SPH018000	3	28.25		28.25
554	Nguyễn Phương	Trinh	SPH017987	3	28.25		28.25
555	Nguyễn Thị Trung	Anh	BKA000639	3	28.25		28.25
556	Hoàng Chi	Linh	THV007377	2	26.25	1.5	28.25
557	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	2	28.25		28.25
558	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	4	27.50	0.5	28.17
559	Bùi Thị	Giang	DCN002642	4	23.50	3.5	28.17
560	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	3	23.50	3.5	28.17
561	Phan Thùy	Nhung	KQH010367	3	27.50	0.5	28.17
562	Nguyễn Phương	Linh	TDV016713	3	27.50	0.5	28.17
563	Nguyễn Hồng	Hạnh	THV003877	3	27.50	0.5	28.17
564	Trần Thu	Hà	THV003635	3	27.50	0.5	28.17
565	Nguyễn Thị Kim	Anh	DHU000557	1	27.50	0.5	28.17
566	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KQH014548	3	26.75	1.0	28.08
567	Đặng Thị	Hường	BKA006562	2	26.75	1.0	28.08
568	Đặng Thị Thủy	Tiên	THP014689	2	26.75	1.0	28.08
569	Đào Thị Lan	Anh	YTB000304	2	26.75	1.0	28.08
570	Trịnh Thị	Tuyến	BKA014634	2	26.75	1.0	28.08
571	Nguyễn Hải	Đặng	TLA003394	4	28.00		28.00
572	Nguyễn Phan Mỹ	Anh	HHA000540	4	28.00		28.00
573	Đỗ Duy	Khánh	HHA007171	4	28.00		28.00
574	Bùi Phương	Thảo	HHA012716	3	28.00		28.00
575	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	3	28.00		28.00
576	Trần Thị Hà	Phương	THP011725	2	28.00		28.00
577	Nguyễn Viết	Lâm	TQU002909	1	26.00	1.5	28.00
578	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	1	28.00		28.00
579	Lê Thị Hương	Giang	SPH004513	4	27.25	0.5	27.92
580	Kiều Phương	Linh	DCN006281	4	27.25	0.5	27.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Chu Liên	Thương	TTB006484	3	23.25	3.5	27.92
582	Nguyễn Phùng	Bách	HDT001948	3	27.25	0.5	27.92
583	Sầm Thị Diệu	Sương	TDV026589	3	23.25	3.5	27.92
584	Vũ Gia	Khiêm	DCN005712	3	27.25	0.5	27.92
585	Trần Hoàng	ánh	BKA001171	2	27.25	0.5	27.92
586	Đỗ Thị Minh	Thu	HHA013514	2	27.25	0.5	27.92
587	Đặng Đình Anh	Đức	YTB005231	2	27.25	0.5	27.92
588	Hứa Thị	Thùy	THV012959	1	23.25	3.5	27.92
589	Nguyễn Thị Châu	Anh	HHA000574	1	27.25	0.5	27.92
590	Quyển Thị Thúy	Nga	BKA009190	1	27.25	0.5	27.92
591	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	4	26.50	1.0	27.83
592	Bế Phương	Linh	TLA007593	3	26.50	1.0	27.83
593	Phan Thị	Phương	BKA010481	3	26.50	1.0	27.83
594	Phạm Khắc	Điệp	YTB005000	3	26.50	1.0	27.83
595	Nguyễn Thị	Thu	HVN010121	2	26.50	1.0	27.83
596	Nguyễn Thị Nhật	Linh	HDT014571	1	26.50	1.0	27.83
597	Trần Thị Lệ	Quyên	NLS010028	4	25.75	1.5	27.75
598	Phạm Thu	Trang	HHA014774	4	25.75	1.5	27.75
599	Nguyễn Thùy	Giang	TQU001333	3	25.75	1.5	27.75
600	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	3	25.75	1.5	27.75
601	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	3	27.75		27.75
602	Nguyễn Thị Phương	Linh	HHA008112	3	27.75		27.75
603	Trần Hà	Phương	HHA011266	2	27.75		27.75
604	Lương Mỹ	Duyên	SPH003487	2	27.75		27.75
605	Dương Đức	Anh	BKA000119	2	27.75		27.75
606	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	1	27.75		27.75
607	Bùi Thu	Hằng	TLA004528	1	27.75		27.75
608	Nguyễn Thị	Hường	TND012187	1	25.75	1.5	27.75
609	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	4	27.00	0.5	27.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	4	27.00	0.5	27.67
611	Đỗ Thị Ngọc	Linh	BKA007354	3	27.00	0.5	27.67
612	Đào Thị Ngọc	Ngà	HHA009794	2	27.00	0.5	27.67
613	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	1	23.00	3.5	27.67
614	Lại Thị Nhật	Anh	TND000506	2	26.25	1.0	27.58
615	Trần Thị Mỹ	Linh	DCN006606	2	26.25	1.0	27.58
616	Nguyễn Thị Trà	My	HVN006951	2	26.25	1.0	27.58
617	Nguyễn Ngọc Tố	Anh	THP000474	1	26.25	1.0	27.58
618	Tống Văn	Tài	HDT022074	4	25.50	1.5	27.50
619	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	4	25.50	1.5	27.50
620	Bùi Lan	Phượng	KHA007884	3	27.50		27.50
621	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	3	27.50		27.50
622	Chu Quỳnh	Chi	BKA001514	2	27.50		27.50
623	Đồng Thị Lan	Anh	THP000240	2	25.50	1.5	27.50
624	Doãn Thúy	Hằng	TLA004532	2	27.50		27.50
625	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TDV033267	2	25.50	1.5	27.50
626	Lý Thị Ngọc	Trâm	TND026831	4	22.75	3.5	27.42
627	Lê Ngọc	Nhung	HVN007791	4	26.75	0.5	27.42
628	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	HDT018034	4	26.75	0.5	27.42
629	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	4	22.75	3.5	27.42
630	Trần Thị Thuỳ	Anh	YTB001313	3	26.75	0.5	27.42
631	Nguyễn Đỗ Phương	Thảo	HHA012892	3	26.75	0.5	27.42
632	Tạ Thị	Nga	HDT017518	3	26.75	0.5	27.42
633	Dương Mạnh	Cường	THV001736	1	22.75	3.5	27.42
634	Phạm Thị Thương	Thương	TTB006514	1	22.75	3.5	27.42
635	Mạc Kim	Chi	TND002257	1	22.75	3.5	27.42
636	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	4	26.00	1.0	27.33
637	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	4	26.00	1.0	27.33
638	Lê Thị	Nhâm	TLA010380	3	26.00	1.0	27.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Nguyễn Thị Bích		HDT002091	3	26.00	1.0	27.33
640	Lê Thị Hoan		TLA005465	3	26.00	1.0	27.33
641	Phạm Thị Hương		YTB011083	2	26.00	1.0	27.33
642	Lê Mạnh Đạt		THP002981	1	26.00	1.0	27.33
643	Thịnh Thái Thảo		SPH015812	4	27.25		27.25
644	Nguyễn Thị Minh Huyền		SPH007875	3	27.25		27.25
645	Lê Đức Mạnh		BKA008509	3	27.25		27.25
646	Phạm Hồng Loan		TLA008406	3	25.25	1.5	27.25
647	Lương Mỹ Linh		SPH009648	2	27.25		27.25
648	Nguyễn Thu Trang		SPH017686	2	27.25		27.25
649	Nguyễn Thu Huyền		HHA006421	2	27.25		27.25
650	Nguyễn Hạnh Uyên		SPH019147	1	27.25		27.25
651	Phạm Thị Linh Trang		KHA010510	4	26.50	0.5	27.17
652	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		SPH017616	4	26.50	0.5	27.17
653	Trần Khánh Linh		TLA008251	4	26.50	0.5	27.17
654	Phan Lê Bình		TND001919	4	26.50	0.5	27.17
655	Nguyễn Thị Minh Nhật		TND018640	4	26.50	0.5	27.17
656	Hoàng Ngọc Chi		TND002224	4	22.50	3.5	27.17
657	Nguyễn Thanh Mai		LNH005973	4	26.50	0.5	27.17
658	Nguyễn Thị Linh		LNH005370	4	26.50	0.5	27.17
659	Phạm Thị Thanh Nguyệt		SPH012840	3	26.50	0.5	27.17
660	Đặng Thị Thúy Hạnh		TDV008490	3	26.50	0.5	27.17
661	Dương Thị Mỹ Linh		HDT013796	3	26.50	0.5	27.17
662	Hà Thị Minh Phương		YTB017212	3	26.50	0.5	27.17
663	Nguyễn Thị Thanh Hà		BKA003702	2	26.50	0.5	27.17
664	Nông Hoàng Như		TND019104	2	22.50	3.5	27.17
665	Diệp Thị Liên		SPH009296	1	22.50	3.5	27.17
666	Bùi Thị Ngọc Trâm		HDT027311	4	25.75	1.0	27.08
667	Nguyễn Thị Tuyền		SPH018992	3	25.75	1.0	27.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Phan Thị Thu	Hảo	TLA004517	3	25.75	1.0	27.08
669	Nguyễn Thị Vân	Huyền	KQH006295	2	25.75	1.0	27.08
670	Hồ Minh	Anh	SPH000347	3	27.00		27.00
671	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	3	27.00		27.00
672	Trần Hương	Giang	DCN002754	4	26.25	0.5	26.92
673	Nguyễn Vũ Thảo	Linh	YTB012920	3	26.25	0.5	26.92
674	Phùng Thị Cẩm	Nhung	DCN008485	3	26.25	0.5	26.92
675	Nguyễn Minh	Diễm	HVN001527	3	26.25	0.5	26.92
676	Giáp Thị Hồng	Thanh	TND022416	3	26.25	0.5	26.92
677	Trịnh Thị Tuyết	Mai	HDT016182	3	25.50	1.0	26.83
678	Vũ Hoàng	Long	THP008850	3	25.50	1.0	26.83
679	Trần Văn	Phúc	HDT019575	2	25.50	1.0	26.83
680	Lê Thảo	Nhi	HHA010455	4	24.75	1.5	26.75
681	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	4	24.75	1.5	26.75
682	Hồ Nam	Sơn	THV011404	3	24.75	1.5	26.75
683	Đào Mai	Hương	BKA006352	3	24.75	1.5	26.75
684	Nguyễn Tiến	Đạt	BKA002867	4	26.00	0.5	26.67
685	Đỗ Thị Thanh	Huyền	SPH007696	3	26.00	0.5	26.67
686	Mai Thục	Anh	HDT000865	2	26.00	0.5	26.67
687	Bạch Ngọc	Anh	LNH000045	2	26.00	0.5	26.67
688	Vũ Thị	Ngọc	THP010524	4	25.25	1.0	26.58
689	Trần Thị	Diệu	KHA001593	4	25.25	1.0	26.58
690	Phạm Thị	ánh	YTB001658	4	25.25	1.0	26.58
691	Nguyễn Thị	Mỹ	HVN006967	4	25.25	1.0	26.58
692	Vũ Thị Thuỳ	Dương	YTB004488	3	25.25	1.0	26.58
693	Phạm Thị	Hương	YTB010837	2	25.25	1.0	26.58
694	Nguyễn Tùng	Anh	SPH001209	3	26.50		26.50
695	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005432	3	24.50	1.5	26.50
696	Phạm Hồng	Ngọc	THV009558	2	24.50	1.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Lê Trần Thu	Uyên	SPH019144	2	26.50		26.50
698	Vũ Thị	Hiền	DCN003795	1	24.50	1.5	26.50
699	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	1	24.50	1.5	26.50
700	Phạm Thị Như	Quỳnh	BKA011118	4	25.75	0.5	26.42
701	Nguyễn Thu	Hiền	HHA004642	3	25.75	0.5	26.42
702	Lưu Thị Hồng	Lương	BKA008243	3	25.75	0.5	26.42
703	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	2	25.75	0.5	26.42
704	Dương Hoàn	Yến	YTB025657	2	25.75	0.5	26.42
705	Bùi Thị ánh	Ngọc	YTB015566	2	25.75	0.5	26.42
706	Hà Huy	Quyền	THP012209	4	25.00	1.0	26.33
707	Trần Thị Thùy	Trang	YTB023124	3	25.00	1.0	26.33
708	Mai Thị Thúy	Hà	BKA003663	2	25.00	1.0	26.33
709	Lê Thị Thu	Hằng	HHA004348	1	25.00	1.0	26.33
710	Lại Thu	Trang	TLA014006	4	24.25	1.5	26.25
711	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	4	24.25	1.5	26.25
712	Nguyễn Thị	Trà	SPH017235	2	26.25		26.25
713	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TDV016929	4	25.50	0.5	26.17
714	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	4	25.50	0.5	26.17
715	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	4	25.50	0.5	26.17
716	Phạm Thị Hồng	Duyên	SPH003518	3	25.50	0.5	26.17
717	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	4	24.75	1.0	26.08
718	Nguyễn Thị Vân	Anh	BKA000642	2	24.75	1.0	26.08
719	Phùng Mạnh	Cường	KHA001490	4	25.25	0.5	25.92
720	Đỗ Minh	Tâm	BKA011471	3	25.25	0.5	25.92
721	Nguyễn Minh	Nguyệt	LNH006806	3	21.25	3.5	25.92
722	Bùi Thu	Trang	LNH009653	2	21.25	3.5	25.92
723	Hoàng Quốc	Việt	KQH016170	3	24.50	1.0	25.83
724	Trần Thị Hà	Phương	SPH013865	4	25.75		25.75
725	Vũ Minh	Nguyệt	BKA009733	3	25.75		25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Hồ Ngọc Bích	Phương	HHA011075	2	23.75	1.5	25.75
727	Nguyễn Tường	Vi	SPH019349	1	25.75		25.75
728	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	4	21.00	3.5	25.67
729	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	4	21.00	3.5	25.67
730	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	4	25.00	0.5	25.67
731	Lò Văn	Thủy	TTB006374	3	21.00	3.5	25.67
732	Vũ Thị	Thảo	BKA012056	3	25.00	0.5	25.67
733	Lê Thị Hương	Giang	KHA002621	3	25.50		25.50
734	Hoàng Thị Thùy	Vân	HHA016059	3	25.50		25.50
735	Trần Thị Minh	Tuyến	SPH019031	2	25.50		25.50
736	Hoàng	Hiệp	LNH003234	1	23.50	1.5	25.50
737	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	3	24.75	0.5	25.42
738	Hoàng Ngọc	Chi	TND002326	3	24.75	0.5	25.42
739	Ngô Thị Kim	Chi	TLA001872	2	24.75	0.5	25.42
740	Đoàn Mỹ	Hạnh	HHA004179	2	24.75	0.5	25.42
741	Nguyễn Gia	Bảo	LNH000731	1	23.25	1.5	25.25
742	Chu Nhật	Lệ	TND013651	1	23.25	1.5	25.25
743	Nguyễn Thị Thu	Hiền	THP004853	4	24.50	0.5	25.17
744	Đoàn Thị Huệ	Anh	SPH000331	4	24.50	0.5	25.17
745	Nguyễn Hồng	Nhung	TND018908	4	20.50	3.5	25.17
746	Nguyễn Huyền	Trang	HDT026719	4	24.50	0.5	25.17
747	Lương Thị Linh	Chi	HDT002535	3	20.50	3.5	25.17
748	Hoàng Hồng	Sinh	SPH014677	4	23.75	1.0	25.08
749	Phí Việt	Phương	YTB017400	3	23.00	1.5	25.00
750	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	4	24.25	0.5	24.92
751	Nông Thị	Xâm	TND029728	4	20.25	3.5	24.92
752	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	HDT026824	4	24.25	0.5	24.92
753	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	4	20.25	3.5	24.92
754	Trần Thu	Uyên	THV015044	3	20.25	3.5	24.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Nguyễn Thị	Thành	LNH008353	1	24.25	0.5	24.92
756	Nguyễn Thị Hải	Yến	YTB025772	4	23.50	1.0	24.83
757	Đỗ Thị	Thiện	HDT023973	4	23.50	1.0	24.83
758	Lê Thu	Hà	HDT006724	3	23.50	1.0	24.83
759	Nguyễn Ngọc	Huyền	KHA004543	1	24.75		24.75
760	Lê Hồng	Tuấn	HDT028221	4	24.00	0.5	24.67
761	Đỗ Thị	Quỳnh	BKA011028	2	23.25	1.0	24.58
762	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	4	22.50	1.5	24.50
763	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	3	22.50	1.5	24.50
764	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	3	22.50	1.5	24.50
765	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	SPH017921	2	24.50		24.50
766	Bùi Hoàng	Tiến	TLA013624	1	24.50		24.50
767	Hoàng Linh	Đan	HHA002851	4	23.75	0.5	24.42
768	Lâm Ngọc	ánh	THP001040	3	23.75	0.5	24.42
769	Lầu Thị	Báu	TTB000350	1	19.75	3.5	24.42
770	Nguyễn Thị	Mai	HVN006605	4	23.00	1.0	24.33
771	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	3	23.00	1.0	24.33
772	Nguyễn Thị	Hội	LNH003779	4	22.25	1.5	24.25
773	Đặng Thị Hồng	Nhung	TND018808	2	22.25	1.5	24.25
774	Nguyễn Thị Anh	Thư	LNH009324	1	22.25	1.5	24.25
775	Trần Minh	Hằng	KHA003290	1	23.50	0.5	24.17
776	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	4	22.00	1.5	24.00
777	Phạm Thị Tuyết	Hoa	THV004777	1	22.00	1.5	24.00
778	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	4	23.25	0.5	23.92
779	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	4	19.25	3.5	23.92
780	Lường Thị	Lan	TTB003316	1	19.25	3.5	23.92
781	Đậu Thị Quỳnh	Chi	TDV002882	1	23.25	0.5	23.92
782	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	4	22.50	1.0	23.83
783	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	TDV009240	3	22.50	1.0	23.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thị	Thuỷ	TND024611	4	21.75	1.5	23.75
785	Đỗ Thị Minh	Thu	TLA013130	3	23.75		23.75
786	Vũ Tiến	Hùng	THV006098	1	21.75	1.5	23.75
787	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	1	21.75	1.5	23.75
788	Đào Huyền	My	TND016779	4	23.00	0.5	23.67
789	Hà Thúy	Hằng	SPH005548	4	23.00	0.5	23.67
790	Nguyễn Thị Huyền	Trang	YTB022768	3	23.00	0.5	23.67
791	Trịnh Thị	Chinh	KHA001266	4	22.25	1.0	23.58
792	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	3	22.25	1.0	23.58
793	Đào Anh	Quỳnh	THV011035	4	21.50	1.5	23.50
794	Nguyễn Hồng	Diệp	TND005166	4	18.75	3.5	23.42
795	Bùi Yến	Chi	THP001482	4	22.00	1.0	23.33
796	Nguyễn Thị	Thắm	KQH012834	1	22.00	1.0	23.33
797	Đỗ Huyền	Trang	YTB022470	2	21.75	1.0	23.08
798	Trần Thị Bích	Hạnh	YTB006734	1	21.75	1.0	23.08
799	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	4	21.00	1.5	23.00
800	Phạm Hương	Thảo	TLA012638	3	23.00		23.00
801	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	4	18.25	3.5	22.92
802	Nguyễn Thị Diệu	Linh	LNH005354	3	22.25	0.5	22.92
803	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	3	22.25	0.5	22.92
804	Dương Linh	Chi	THV001245	2	22.25	0.5	22.92
805	Trần Thị Ngọc	Anh	BKA000925	2	22.25	0.5	22.92
806	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	4	21.50	1.0	22.83
807	Nguyễn Bình	Dương	TTB001355	3	20.75	1.5	22.75
808	Trương Thuỳ	Linh	TND014842	2	20.75	1.5	22.75
809	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	TND008803	4	22.00	0.5	22.67
810	Trần Thị	Giang	TDV007480	4	22.00	0.5	22.67
811	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	4	18.00	3.5	22.67
812	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	2	18.00	3.5	22.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	4	21.25	1.0	22.58
814	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	4	21.25	1.0	22.58
815	Chu Thị Thục	Anh	YTB000193	4	21.25	1.0	22.58
816	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	1	21.25	1.0	22.58
817	Phạm Văn	Tú	THP015915	1	21.25	1.0	22.58
818	Đỗ Thu	Hoài	THV004886	3	17.75	3.5	22.42
819	Nguyễn Thị	Thu	YTB020925	4	21.00	1.0	22.33
820	Nguyễn Thị	Nga	SPH012172	2	21.00	1.0	22.33
821	Đoàn Diễm	My	TLA009384	1	22.25		22.25
822	Bàn Kiều Phương	Chinh	HDT002702	1	17.50	3.5	22.17
823	Đào Thị	Duyên	TDV005229	2	20.75	1.0	22.08
824	Đỗ Thu	Thủy	KHA009775	4	22.00		22.00
825	Đỗ Thị Kiều	Anh	TLA000218	1	22.00		22.00
826	Nông Thị	Bốn	TND001954	3	17.25	3.5	21.92
827	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	HVN006894	1	21.25	0.5	21.92
828	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	4	20.50	1.0	21.83
829	Nguyễn Thị Phương	An	HVN000021	3	20.50	1.0	21.83
830	Trần Thanh	Loan	SPH010277	3	19.75	1.5	21.75
831	Vương Thị Thu	Phương	THV010598	2	19.75	1.5	21.75
832	Nông Thị Minh	Thu	TND024423	1	17.00	3.5	21.67
833	Trần Thị	Hà	HDT006976	4	20.25	1.0	21.58
834	Tự Thị Mỹ	Linh	THP008529	1	20.25	1.0	21.58
835	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	2	16.75	3.5	21.42
836	Đào Thị	Thu	HVN010083	4	20.00	1.0	21.33
837	Nhâm Thị	Ngân	YTB015402	2	19.75	1.0	21.08
838	Quách Thị Phương	Thảo	HHA013063	1	19.75	1.0	21.08
839	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	4	19.00	1.5	21.00
840	Trần Đức Trọng	Đạt	HVN002179	3	20.25	0.5	20.92
841	Lê Thu	Thảo	YTB019721	1	19.50	1.0	20.83

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 30

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	4	18.75	1.5	20.75
843	Trần Thị	Phượng	HHA011396	4	16.00	3.5	20.67
844	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	2	19.00	1.0	20.33
845	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016405	2	19.00	1.0	20.33
846	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	4	15.50	3.5	20.17
847	Lê Thị	Trang	TLA013996	4	18.75	1.0	20.08
848	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	4	15.25	3.5	19.92
849	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	4	17.75	1.5	19.75
850	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	4	19.00	0.5	19.67
851	Vũ Thị	ánh	TND001455	1	17.00	1.5	19.00
852	Trần Thị	Hường	THP006773	2	17.50	1.0	18.83
853	Thào A	Tăng	TTB005526	4	13.75	3.5	18.42
854	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	4	16.50	1.0	17.83
855	Đỗ Anh	Đức	BKA003138	4	16.50	1.0	17.83
856	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	4	16.25	1.0	17.58
857	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	4	15.50	1.5	17.50
858	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	4	15.00	1.5	17.00
859	Phạm Thị Hoài	Thu	HDT024494	4	14.50	1.5	16.50

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU